

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2022/DS-PT

Ngày: 08-9-2022

V/v tranh chấp Hợp đồng

vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các thẩm phán:

1. Ông Hà Chí Quốc;

2. Bà Phạm Thị Thùy Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 8 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2022/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2022, của Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 246/2022/QĐ-PT, ngày 23 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đàm Thị S, sinh năm 1966; cư trú tại: Số 4, tổ 9, ấp Tân Định 1, xã S1, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Ngọc L, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Mỹ L1, sinh năm 1973; cư trú tại: Số 241, tổ 4, ấp Phước Bình 1, xã S1, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Mỹ L1, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đàm Thị S trình bày: Do có quen biết với ông Huỳnh Ngọc L và bà Nguyễn Thị Mỹ L1, nên ngày 24-4-2017 âm lịch ông L có ký giấy vay của bà số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 03%/ tháng; đến ngày 25-6-2017, bà L1 tiếp tục

ký giấy vay của bà số tiền 40.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 05%/ tháng. Sau khi vay tiền, ông L, bà L1 trả được 08 tháng tiền lãi thì ngưng, đến tháng 3-2021 ông L, bà L1 trả thêm được 04 tháng tiền lãi nữa cho đến nay, tổng cộng bà nhận được 12 tháng tiền lãi (12 tháng x 3.500.000 đồng/ tháng) được số tiền 42.000.000 đồng. Bà đến nhà đòi tiền nợ nhiều lần, nhưng ông L, bà L1 không trả và hẹn hết lần này đến lần khác nhưng không trả. Bà yêu cầu ông L, bà L1 trả cho bà số tiền vay 90.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn, ông Huỳnh Ngọc L trình bày: Ông thừa nhận ngày 24-4-2017 có vay của bà S số tiền là 50.000.000 đồng, khi vay ông có ký giấy nợ, lãi suất thỏa thuận bằng miệng 03%/ tháng để đặt cọc mua bán mì. Sau khi vay tiền 01 tháng, ông có đưa tiền cho bà L1 50.000.000 đồng để trả cho bà S, do bà L1 trả tiền nhưng không lấy lại giấy nợ. Số tiền ông vay 50.000.000 đồng đã trả xong, nên ông không đồng ý trả theo yêu cầu của bà S.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị Mỹ L1 trình bày: Vợ chồng bà có vay của bà S số tiền 90.000.000 đồng, sau đó bà có trả cho bà S 50.000.000 đồng. Còn số tiền 40.000.000 đồng bà ký vay ngày 25-6-2017, lãi suất thỏa thuận miệng 05%/ tháng, bà trả cho bà S được 42 tháng tiền lãi thì ngưng, khoảng cuối tháng 10-2021 bà tiếp tục trả tiền lãi cho bà S được 13.000.000 đồng, tổng cộng tiền lãi bà đã trả 202.000.000 đồng. Bà đồng ý trả cho bà S số tiền còn nợ 40.000.000 đồng và yêu cầu tính lại tiền lãi đã trả cho bà S theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2022/DS-ST, ngày 06 tháng 7 năm 2022, của Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Đàm Thị S đối với ông Huỳnh Ngọc L và bà Nguyễn Thị Mỹ L1. Buộc ông Huỳnh Ngọc L và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 có nghĩa vụ trả cho Bà Đàm Thị S số tiền vay 90.000.000 đồng và tiền lãi 50.517.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 140.517.000 đồng.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo.

Ngày 15-7-2022, bà Nguyễn Thị Mỹ L1 kháng cáo cho rằng, bà đã trả số tiền vay 50.000.000 đồng, nhưng do không lấy lại giấy nợ nên bà S yêu cầu vợ chồng bà tiếp tục trả; bà đồng ý trả số tiền vay còn nợ 40.000.000 đồng và yêu cầu tính lại phần tiền lãi bà đã đóng 202.000.000 đồng .

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L1 trình bày đã trả xong số tiền ông L vay 50.000.000 đồng, nhưng quên không lấy lại giấy nợ; bà đồng ý trả số tiền vay 40.000.000 đồng; đối với tiền lãi bà đã trả 202.000.000 đồng cho bà S theo mức lãi suất 05%/ tháng là quá cao, yêu cầu tính lại.

Ông L thống nhất với ý kiến của bà L1, không bổ sung thêm.

Bà S đồng ý với bản án sơ thẩm đã xét xử, không đồng ý với kháng cáo của bà L1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Bà L1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, nên không có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L1; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Mỹ L1 kháng cáo trong thời hạn quy định của pháp luật, nên đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 24-4-2017 âm lịch (nhằm ngày 19-5-2017 dương lịch), ông Huỳnh Ngọc L ký giấy vay của Bà Đàm Thị S số tiền 50.000.000 đồng, không thể hiện lãi suất và không hẹn thời gian trả nợ, nhưng ông L, bà S đều thừa nhận có thỏa thuận miệng lãi suất 03%/ tháng. Ngày 25-6-2017, bà Nguyễn Thị Mỹ L1 ký giấy vay của bà S số tiền 40.000.000 đồng, không thể hiện lãi suất và hẹn trong vòng 03 tháng trả lại, nhưng bà L1, bà S đều thừa nhận có thỏa thuận miệng lãi suất 05%/ tháng.

[3] Xét kháng cáo của bà L1 cho rằng, sau khi vay tiền bà trực tiếp đến trả cho bà S số tiền ông L vay 50.000.000 đồng, nhưng không cung cấp được thông tin trả thời gian nào, cũng không cung cấp được chứng cứ gì thể hiện bà đã trả số tiền 50.000.000 đồng như trình bày, bà S không thừa nhận có nhận số tiền vay 50.000.000 đồng bà L1 trả, nên không có cơ sở chấp nhận.

[4] Bà L1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm tính lại tiền lãi đối với số tiền bà đã đóng theo quy định của pháp luật, thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án ông L, bà L1 đều khai, sau khi vay 50.000.000 đồng trong vòng 01 tháng đã trả xong, nên số tiền lãi 202.000.000 đồng bà L1 khai chỉ trả cho số tiền vay 40.000.000 đồng. Đối với số tiền vay 40.000.000 đồng, bà L1, bà S đều thừa nhận thỏa thuận lãi suất 05%/ tháng, thì số tiền lãi bà L1 khai đóng được 42 tháng, cộng với 13.000.000 đồng tiền lãi bà trả thêm, thì số tiền lãi tổng cộng bà L1 phải trả cũng chỉ 97.000.000 đồng (40.000.000 đồng X 5% X 42 tháng + 13.000.000 đồng = 97.000.000 đồng), do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà L1 về số tiền lãi bà khai đã đóng 202.000.000 đồng.

[5] Về tiền lãi: Xét lời khai của các bên khi ông L, bà L1 vay tiền của bà S có thỏa thuận lãi suất và thời gian trả nợ, do bị đơn không trả tiền lãi đầy đủ nên phát sinh

tranh chấp. Tại Tòa án, bà S yêu cầu ông L, bà L1 trả tiền lãi theo quy định của pháp luật là có căn cứ, do đó cấp sơ thẩm tính tiền lãi từ khi vay tiền theo giấy nợ, theo mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, khấu trừ phần tiền lãi vượt quá quy định bà S đã nhận là có căn cứ. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm xác định thời gian tính lãi chưa đúng và cách gọi tiền lãi bà L1, ông L còn phải trả cho bà S trong phần quyết định của bản án là không chính xác (...và 50.517.000 đồng lãi suất) cần rút kinh nghiệm; tiền lãi được tính như sau:

* $50.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 61 \text{ tháng} 17 \text{ ngày}$ (ngày 24-4-2017 âm lịch nhằm ngày 19-5-2017 dương lịch, đến ngày 06-7-2022) = 51.100.000 đồng.

* $40.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 60 \text{ tháng} 11 \text{ ngày}$ (ngày 25-6-2017 đến ngày 06-7-2022) = 40.083.000 đồng. Tổng cộng tiền lãi 91.183.000 đồng, khấu trừ số tiền lãi bà S đã nhận 42.000.000 đồng, nên bà L1, ông L còn phải trả tiền lãi cho bà S 49.183.000 đồng.

[6] Xét hợp đồng vay hai bên có thỏa thuận lãi suất. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị Quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm” quy định: Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong... không phải kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án như cấp sơ thẩm đã tuyên, nên cần rút kinh nghiệm.

[7] Xét thấy tại phiên tòa, đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự: Bà L1, ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ L1; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2022/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2022, của Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Thị S đối với ông Huỳnh Ngọc L và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Huỳnh Ngọc L và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 có nghĩa vụ trả cho Bà Đàm Thị S số tiền vay 90.000.000 đồng và tiền lãi 49.183.000. Tổng cộng gốc và lãi là 139.183.000 đồng (một trăm ba mươi chín triệu, một trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Huỳnh Ngọc L và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 6.959.000 đồng (sáu triệu, chín trăm năm mươi chín nghìn đồng).

3.2. Bà Đàm Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 2.250.000 đồng (hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0012255 ngày 14-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ L1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà L1 đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012499, ngày 18-7-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh; bà L1 đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND H. Dương Minh Châu;
- CCTHADS H. Dương Minh Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Trần Quốc Vũ

